UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24 /2010/QĐ-UBND	*Buôn Ma Thuột, ngày 26 tháng 4 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột ban hành kèm theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của UBND tỉnh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Xét Tờ trình số 74/TTr-SXD ngày 05/8/2010 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột ban hành kèm theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của UBND tỉnh như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - CT, các PCT UBND tỉnh; - Như Điều 2; - Lưu VT- CN (T.16) (sdcgioi10dgBMT)	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Lữ Ngọc Cư**

CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, KÍCH THƯỚC MẶT CẮT NGANG QUY HOẠCH MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐÔ THỊ TẠI THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

Phụ lục kèm theo Quyết định số 24 /2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk

Số TT	Tên đường phố	Giới hạn		Chiều dài tuyến (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)	Mặt cắt quy hoạch (m)		
		Từ...	Đến...			Hè phố (bên trái)	Mặt đường	Hè phố (bên phải)
A	**ĐƯỜNG CHÍNH ĐÔ THỊ VÀ ĐƯỜNG LIÊN KHU VỰC**							
03	Lê Thánh Tông	Phan Bội Châu	Nguyễn Đình Chiểu	880	30	8	14	8
		Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Hữu Thọ	2.000	24	6	12	6
		Nguyễn Hữu Thọ	Giải Phóng	434	24	5	14	5
B	**ĐƯỜNG CHÍNH KHU VỰC**							
10	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Mai Xuân Thưởng	2.100	24	5	14	5
C	**ĐƯỜNG KHU VỰC**							
66	Nơ Trang Gưh	Quang Trung	Mai Xuân Thưởng	1.364	16	4	8	4
70	Tuệ Tĩnh	Lê Duẩn	Mai Thị Lựu	1.000	18	4,5	9	4,5
D	**ĐƯỜNG PHÂN KHU VỰC**							
13	Đặng Thái Thân	Giải Phóng	Thửa đất số 125	200	20	4,75	10,5	4,75
		Thửa đất số 125	Mai Hắc Đế	308	15	4	7	4
15	Đặng Trần Côn	Mai Hắc Đế	Thửa đất số 19	100	15	4	7	4
		Thửa đất số 19	Hẻm 84 Mai Hắc Đế (Thửa đất số 119)	279	12	3	6	3
E	**ĐƯỜNG NHÓM NHÀ Ở**							
28	Hải Triều	Lê Thánh Tông	Giáp Hải	200	10	2	6	2
29	Hải Thượng Lãn Ông	Lê Thánh Tông	Giáp Hải	200	10	2	6	2
30	Cao Xuân Huy	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	160	10	2,5	5	2,5
69	Nguyên Hồng	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	177	10	2,5	5	2,5